

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HOÀ  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ -ST

Ngày: 22/12/2023.

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HOÀ - CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Quốc Khánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Văn Chung và bà Nông Thị Nhật Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mã Thị Diệu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà - Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hoà tham gia phiên tòa:**  
Bà Lục Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà - Cao Bằng để xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/12/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Lương Thị V, sinh năm 1979. Có mặt.

**- Bị đơn:** Đinh Ích Đ, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Xóm ĐG, xã C, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng.

(Bị đơn Đinh Ích Đ, vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Lương Thị V là bà Nông Thị Thu Trang – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn chị Lương Thị V trình bày:*

Tôi (V) kết hôn với anh Đinh Ích Đ vào năm 1998, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình giới thiệu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn

là do nhà đột, xuống cấp nên tôi có gọi thợ về sửa chữa, anh Đ quấy nhiễu đập phá không cho xây dựng, đánh đập tôi, vợ chồng hay xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra đã được hàng xóm hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Trà M, sinh ngày 22/7/2003 và Đinh Ích D – sinh ngày 25/10/2006. Cháu Đinh Thị Trà M đã trưởng thành, đã đi làm có thu nhập. Còn cháu D hiện cháu đang sống cùng bố mẹ, cháu đã thôi học đi làm có thu nhập. Do đó, không yêu cầu giải quyết về con chung đối với cháu Đinh Thị Trà M. Còn đối với cháu D trường hợp ly hôn sẽ do anh Đ nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện tôi có yêu cầu chia tài sản chung: thửa đất số 85, tờ bản đồ số 56 diện tích 47m<sup>2</sup>; thửa đất số 03, tờ bản đồ số 52, diện tích 885m<sup>2</sup>; một ngôi nhà cấp bốn gắn liền với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 56, diện tích 301m<sup>2</sup>, nhà cấp bốn xây năm 2008, sửa lại năm 2023, tổng giá trị khoảng 50 triệu đồng; một đàn lợn gồm 7 con lợn thịt và 1 con lợn nái trị giá 30 triệu đồng (7 con lợn thịt mỗi con khoảng 40 cân). Tuy nhiên vợ chồng đã tự thỏa thuận được nên tôi có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung vợ chồng. Đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung vợ chồng: không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2023, bị đơn anh Đinh Ích Đ trình bày:* Anh và chị V kết hôn vào ngày 11 tháng 10 năm 1998, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, do hai bên gia đình giới thiệu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh và chị V thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tình cảm và không thể chung sống với nhau. Nay chị V yêu cầu được ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Trà M, sinh ngày 22/7/2003 và Đinh Ích D – sinh ngày 25/10/2006. Hiện nay cháu Đinh Thị Trà M đã trưởng thành, đã đi làm có thu nhập nên không yêu cầu giải quyết. Còn đối với cháu D trường hợp ly hôn tôi sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

+ Chị V và anh Đ không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, giữa chị V và anh Đ vẫn tồn tại quan hệ chung sống như vợ chồng và có 02 con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 và 15 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh Đ.

+ Về con chung: Theo ý kiến của chị V và tại bản tự khai của anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Đinh Ích Dưỡng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Ích D cho anh Đinh Ích Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Do trong quá trình giải quyết vụ án, chị V và anh Đ đã tự thỏa thuận được với nhau và có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị V và anh Đinh Ích Đ.

Về con chung: Giao cháu Đinh Ích Dưỡng, sinh ngày 25/10/2006 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung vợ chồng do chị Lương Thị V có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Xóm ĐG, xã C, huyện Quảng Hoà, tỉnh

Cao Bằng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hoà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Ích Đ đã thực hiện đầy đủ việc trình bày ý kiến, yêu cầu của mình về các vấn đề liên quan trong vụ án, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tuy nhiên còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Lương Thị V và anh Đinh Ích Đ đều khai nhận: Anh, chị tổ chức lễ cưới vào năm 1998, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện do hai bên gia đình giới thiệu nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cả hai chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do hay cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Đ. Anh Đ cũng xác định vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, nay chị V xin ly hôn anh Đ cũng đồng ý. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C thì chị Lương Thị V và anh Đinh Ích Đ không đăng ký kết hôn. Như vậy, chị V và anh Đ đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Căn cứ theo quy định của pháp luật

đã viện dẫn ở trên, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị V và anh Đinh Ích Đ.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh Đ có 02 con chung tên Đinh Thị Trà M, sinh ngày 22/7/2003 và Đinh Ích D – sinh ngày 25/10/2006. Hiện nay cháu Đinh Thị Trà M đã trưởng thành, đi làm có thu nhập nên không yêu cầu giải quyết. Còn đối với cháu D, chị V đề nghị anh Đ sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị V không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ cũng đề nghị được nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Cháu D cũng có nguyện vọng được sống cùng anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Đinh Ích D cho anh Đinh Ích Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Theo đơn khởi kiện chị Lương Thị V yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết chị V có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lương Thị V thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và chị V có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, 57, 58 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị V và anh Đinh Ích Đ.

**2. Về con chung:** Anh Đinh Ích Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đinh Ích D – sinh ngày 25/10/2006, đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lương Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung vợ chồng:** Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng.

**4. Về án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Lương Thị V được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết, tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án, VKS tỉnh Cao Bằng;
- VKS huyện Quảng Hòa;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa;
- UBND xã C;
- Luu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Hoàng Quốc Khánh**

